

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM****NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2013/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2013

**THÔNG TƯ****Hướng dẫn thực hiện một số quy định về phòng, chống rửa tiền**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật phòng, chống rửa tiền số 07/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số quy định về phòng, chống rửa tiền.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về đánh giá tăng cường đối với khách hàng có rủi ro cao; thông báo danh sách cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị; nội dung, hình thức các báo cáo: giao dịch có giá trị lớn, giao dịch đáng ngờ, giao dịch chuyển tiền điện tử, hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố; mức giá trị của kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng phải khai báo hải quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các đối tượng báo cáo theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 2 Luật phòng, chống rửa tiền.

2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam; người nước ngoài hoặc người không quốc tịch sinh sống hoặc không sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam; tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính phủ hoạt động hoặc không hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nhưng có các giao dịch tài chính hay giao dịch tài sản khác với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này.

**Điều 3. Các biện pháp đánh giá tăng cường đối với khách hàng có rủi ro cao**

Đối với khách hàng có mức độ rủi ro cao không thuộc các trường hợp quy định tại các Điều 13, 14, 15, 16 và 17 của Luật phòng, chống rửa tiền, ngoài việc áp

dụng biện pháp nhận biết theo quy định tại Điều 9 Luật phòng, chống rửa tiền, đối tượng báo cáo phải áp dụng các biện pháp đánh giá tăng cường sau:

1. Có sự phê duyệt của cấp quản lý cao hơn ít nhất một cấp so với cấp phê duyệt áp dụng đối với khách hàng thông thường khi khách hàng lần đầu thiết lập quan hệ hoặc khi khách hàng hiện tại được đánh giá là khách hàng có rủi ro cao. Đối với khách hàng hiện tại, khi đánh giá hoặc đánh giá lại được xếp loại là khách hàng có rủi ro cao, đối tượng báo cáo phải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc phê duyệt lại mối quan hệ với khách hàng này và áp dụng các biện pháp tăng cường theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

2. Thu thập bổ sung các thông tin sau:

a) Đối với khách hàng là cá nhân:

- Mức thu nhập trung bình hàng tháng trong 6 tháng gần nhất của khách hàng; tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của cơ quan, tổ chức hoặc chủ cơ sở nơi làm việc hoặc có thu nhập chính;

- Họ tên, địa chỉ, nghề nghiệp của vợ, chồng, con của khách hàng.

b) Đối với khách hàng là tổ chức:

- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tạo doanh thu chính;

- Báo cáo tài chính trong 2 năm gần nhất;

- Danh sách (họ tên, địa chỉ, điện thoại) thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, Kế toán trưởng hoặc tương đương;

- Danh sách (tên, địa chỉ, người đại diện) của công ty mẹ, công ty con, văn phòng đại diện (nếu có).

3. Giám sát chặt chẽ các giao dịch của khách hàng có rủi ro cao.

4. Cập nhật thông tin định kỳ ít nhất 6 tháng một lần hoặc khi đối tượng báo cáo biết thông tin về khách hàng đã có sự thay đổi.

#### **Điều 4. Danh sách cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị**

1. Danh sách cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Luật phòng, chống rửa tiền được đăng tải trên Trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại địa chỉ <http://www.sbv.gov.vn>.

2. Việc truy cập, khai thác Danh sách cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị theo hướng dẫn của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (dưới đây gọi là Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng); đối tượng báo cáo không được cung cấp thông tin về Danh sách này cho bên thứ ba nếu không được sự đồng ý của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

3. Đối tượng báo cáo phải đăng ký bằng văn bản với Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng (qua Cục Phòng, chống rửa tiền) thông tin về người truy cập, khai thác Danh sách cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị, gồm: họ tên, số chứng

minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, chức vụ, điện thoại và địa chỉ nơi làm việc, hòm thư điện tử.

### **Điều 5. Báo cáo giao dịch có giá trị lớn**

1. Khi thực hiện giao dịch có giá trị lớn, đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo cho Cục Phòng, chống rửa tiền bằng văn bản theo mẫu biểu số 02 đính kèm Thông tư này hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Trường hợp khách hàng nộp ngoại tệ tiền mặt có giá trị lớn để mua đồng Việt Nam hoặc nộp tiền mặt bằng đồng Việt Nam có giá trị lớn để mua ngoại tệ tiền mặt thì chỉ báo cáo giao dịch nộp tiền mặt.

3. Nội dung báo cáo giao dịch có giá trị lớn:

a) Thông tin về khách hàng:

- Đối với khách hàng là cá nhân: họ tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, quốc tịch (khách hàng có nhiều quốc tịch thì phải ghi đầy đủ các quốc tịch và các địa chỉ đăng ký cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch), địa chỉ cư trú tại Việt Nam;

- Đối với khách hàng là tổ chức: tên tổ chức, địa chỉ, quốc gia, mã số thuế; trường hợp tổ chức không có mã số thuế thì bắt buộc phải có số giấy phép hoạt động hoặc quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh.

b) Thông tin về giao dịch:

- Đối với giao dịch có giá trị lớn bằng tiền mặt (đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ): ngày thực hiện giao dịch, số tài khoản (nếu có), loại giao dịch, mã số giao dịch (số tham chiếu duy nhất cho mỗi giao dịch), số tiền giao dịch, loại tiền giao dịch, số tiền được quy đổi sang đồng Việt Nam (theo tỷ giá loại giao dịch tương ứng tại thời điểm phát sinh giao dịch), lý do, mục đích giao dịch, tên, địa điểm nơi phát sinh giao dịch;

- Đối với giao dịch mua, bán vàng có giá trị lớn: ngày thực hiện giao dịch, loại giao dịch, mã số giao dịch (số tham chiếu duy nhất cho mỗi giao dịch), khối lượng (đơn vị: kilogram; liệt kê theo từng loại hàng hóa), giá trị từng giao dịch, tổng giá trị giao dịch trong ngày quy đổi sang đồng Việt Nam, lý do, mục đích giao dịch, tên, địa điểm nơi phát sinh giao dịch;

c) Thông tin khác được quy định cụ thể trong các mẫu biểu ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Đối tượng báo cáo phải rà soát, sàng lọc các giao dịch tiền mặt có giá trị lớn để kịp thời phát hiện giao dịch đáng ngờ.

### **Điều 6. Báo cáo giao dịch đáng ngờ**

1. Khi phát hiện giao dịch đáng ngờ theo quy định tại Điều 22 Luật phòng, chống rửa tiền và Điều 14 Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền, đối tượng báo

cáo có trách nhiệm báo cáo cho Cục Phòng, chống rửa tiền bằng văn bản theo mẫu biểu số 01 đính kèm Thông tư này hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Cục Phòng, chống rửa tiền có trách nhiệm xác nhận việc đã nhận được báo cáo giao dịch đáng ngờ và phản hồi cho đối tượng báo cáo những vấn đề phát sinh nếu cần thiết.

### **Điều 7. Báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử**

1. Khi cung ứng dịch vụ chuyển tiền điện tử vượt quá mức giá trị theo quy định, đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo cho Cục Phòng, chống rửa tiền bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Nội dung báo cáo gồm các thông tin sau:

a) Tổ chức phát lệnh chuyển tiền: tên giao dịch của tổ chức hoặc điểm giao dịch; địa chỉ liên lạc; quốc gia.

b) Tổ chức phục vụ người thụ hưởng: tên giao dịch của tổ chức hoặc điểm giao dịch; địa chỉ liên lạc; quốc gia.

c) Cá nhân, tổ chức chuyển tiền và cá nhân, tổ chức thụ hưởng:

- Cá nhân: họ tên; số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu còn hiệu lực; số tài khoản (nếu có); mã giao dịch; số tiền, loại tiền giao dịch; địa chỉ liên lạc; quốc gia.

- Tổ chức: tên; số tài khoản; mã số thuế; số đăng ký kinh doanh; mã giao dịch; số tiền, loại tiền giao dịch; địa chỉ liên lạc; quốc gia.

3. Tổ chức trung gian phải lưu giữ hồ sơ giao dịch bao gồm các thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều này ít nhất 5 năm kể từ ngày phát sinh giao dịch và có trách nhiệm cung cấp hồ sơ đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu và không phải báo cáo các giao dịch chuyển tiền điện tử cho Cục Phòng, chống rửa tiền.

4. Đối tượng báo cáo được phép thực hiện chuyển tiền điện tử quốc tế phải xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phù hợp phục vụ cho việc báo cáo bằng tệp dữ liệu điện tử theo quy định tại Điều 10 Thông tư này và phải có hệ thống phần mềm để lọc, phân tích giao dịch nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền và ngăn ngừa các rủi ro khác.

### **Điều 8. Báo cáo hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố**

1. Khi phát hiện tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch nằm trong danh sách đen hoặc khi có căn cứ cho rằng tổ chức, cá nhân khác thực hiện hành vi có liên quan đến tội phạm rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố, đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố cho lực lượng chống khủng bố của Bộ Công an, đồng thời báo cáo cho Cục Phòng, chống rửa tiền bằng văn bản hoặc bằng tệp dữ liệu điện tử theo quy định tại Điều 10 Thông tư này.

2. Trường hợp đối tượng báo cáo bằng văn bản thì nội dung báo cáo bao gồm các thông tin sau:

- a) Đối tượng báo cáo: tên, địa chỉ, số điện thoại;
- b) Cơ quan nhận báo cáo: tên, địa chỉ;
- c) Tổ chức, cá nhân nằm trong danh sách đen hoặc thực hiện hành vi có liên quan đến tội phạm rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố: tên; quốc tịch; các thông tin khác như số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, mã số thuế, số đăng ký kinh doanh, địa chỉ, số tài khoản, số tham chiếu của giao dịch (nếu có);
- d) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan: tên; quốc tịch; mối quan hệ với tổ chức, cá nhân nêu tại điểm c khoản này; các thông tin khác như số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, mã số thuế, số đăng ký kinh doanh, địa chỉ, số tài khoản, số tham chiếu của giao dịch (nếu có);
- đ) Đối với chuyển tiền điện tử, gồm các thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này;
- e) Các biện pháp tạm thời đã áp dụng và thông tin về giao dịch, tài sản liên quan đến các biện pháp đã áp dụng;
- g) Họ tên, chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu của đối tượng báo cáo (nếu có).

3. Thời hạn gửi báo cáo được thực hiện như đối với báo cáo giao dịch có dấu hiệu liên quan đến tội phạm theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền.

**Điều 9. Mức giá trị của ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng phải khai báo hải quan**

1. Mức giá trị của kim loại quý, đá quý (trừ vàng): 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng, trong đó:

- a) Kim loại quý (trừ vàng) gồm: bạc, bạch kim, đồ mỹ nghệ và đồ trang sức bằng bạc, bạch kim; các loại hợp kim có bạc, bạch kim.
- b) Đá quý gồm: kim cương, ruby, saphia và ê-mơ-rôt.

2. Mức giá trị các công cụ chuyển nhượng: 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

3. Mức giá trị của ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, mức giá trị của vàng phải khai báo hải quan thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Điều 10. Hình thức báo cáo bằng tệp dữ liệu điện tử**

1. Báo cáo bằng tệp dữ liệu điện tử là báo cáo thể hiện dưới dạng file dữ liệu được truyền qua đường truyền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Báo cáo bằng tệp dữ liệu điện tử phải theo đúng định dạng, ký hiệu, mã truyền tin, cấu trúc file theo hướng dẫn của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

3. Đối tượng báo cáo phải truyền tin theo quy trình do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định và có biện pháp bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 29 Luật phòng, chống rửa tiền.

4. Đối tượng báo cáo phải cài đặt phần mềm truyền file do Cục Phòng, chống rửa tiền cung cấp.

5. Thời hạn gửi báo cáo: định kỳ cuối ngày làm việc, đối tượng báo cáo phải tổng hợp dữ liệu báo cáo và gửi theo quy định. Thời hạn gửi chậm nhất là đến 16 giờ ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày phát sinh giao dịch. Nếu ngày tiếp theo trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần, thì ngày gửi báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần đó. Trong trường hợp gửi chậm, thiếu báo cáo từ 2 (hai) ngày trở lên, đối tượng báo cáo phải giải trình về việc gửi chậm, thiếu cho Cục Phòng, chống rửa tiền. Trường hợp phát hiện sai sót trong các báo cáo đã gửi thì đối tượng báo cáo phải kịp thời gửi công văn hoặc thư điện tử (email) báo cáo giải trình về những sai sót đó cho Cục Phòng, chống rửa tiền.

6. Đối tượng báo cáo phải đăng ký bằng văn bản với Cục Phòng, chống rửa tiền về cán bộ phụ trách báo cáo bằng tệp dữ liệu điện tử, bao gồm các thông tin: họ tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc, điện thoại, địa chỉ hòm thư điện tử (email) và phải thông báo bằng văn bản khi có sự thay đổi thông tin về cán bộ phụ trách hoặc thay đổi cán bộ phụ trách khác.

#### **Điều 11. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/02/2014.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 22/2009/TT-NHNN ngày 17/11/2009 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn các biện pháp phòng, chống rửa tiền, Thông tư số 41/2011/TT-NHNN ngày 15/12/2011 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về hướng dẫn nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng trên cơ sở rủi ro phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền.

#### **Điều 12. Trách nhiệm thi hành**

1. Thủ trưởng Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật phòng, chống rửa tiền và đối tượng báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đối tượng báo cáo phản ánh về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Cục Phòng, chống rửa tiền) để được hướng dẫn kịp thời./.

**KT. THỐNG ĐỐC  
PHÓ THỐNG ĐỐC**

**Đặng Thanh Bình**



**MẪU BIỂU SỐ 01**

|                                                                                                                              |  |                                                                                                                           |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>Báo cáo giao dịch đáng ngờ</b><br>Ngày ____ tháng ____ năm ____<br>(Đính kèm Thông tư số ... ngày ... tháng ... năm 2013) |  | <b>Số báo cáo:</b>                                                                                                        |           |
| <b>PHẢI ĐIỀN ĐẦY ĐỦ THÔNG TIN VÀO CÁC TRƯỜNG YÊU CẦU</b><br>(Xem phần hướng dẫn điền báo cáo)                                |  |                                                                                                                           |           |
| <b>Báo cáo này có sửa đổi hay bổ sung báo cáo nào trước không?</b>                                                           |  |                                                                                                                           |           |
| <input type="checkbox"/> Không                                                                                               |  | <input type="checkbox"/> Có:<br>- Số của báo cáo được sửa đổi:<br>- Ngày của báo cáo được sửa đổi:<br>- Nội dung sửa đổi: |           |
| <b>Phần I</b>                                                                                                                |  | <b>THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO</b>                                                                                     |           |
| <b>1. Thông tin về đối tượng báo cáo</b>                                                                                     |  |                                                                                                                           |           |
| a. Tên đối tượng báo cáo:                                                                                                    |  |                                                                                                                           |           |
| b. Địa chỉ (số nhà, đường/phố):                                                                                              |  |                                                                                                                           |           |
| Quận/Huyện:                                                                                                                  |  | Tỉnh/Thành phố:                                                                                                           | Quốc gia: |
| c. Điện thoại:                                                                                                               |  | d. Fax:                                                                                                                   |           |
| e. Tên điểm phát sinh giao dịch:                                                                                             |  |                                                                                                                           |           |
| f. Địa chỉ điểm phát sinh giao dịch:                                                                                         |  |                                                                                                                           |           |
| Quận/Huyện:                                                                                                                  |  | Tỉnh/Thành phố:                                                                                                           | Quốc gia: |
| g. Điện thoại:                                                                                                               |  | h. Fax:                                                                                                                   |           |
| <b>2. Thông tin về người lập báo cáo</b>                                                                                     |  |                                                                                                                           |           |
| a. Họ và tên:                                                                                                                |  |                                                                                                                           |           |
| b. Điện thoại cố định:                                                                                                       |  | c. Điện thoại di động:                                                                                                    |           |
| d. Bộ phận công tác:                                                                                                         |  |                                                                                                                           |           |
| <b>Phần II</b>                                                                                                               |  | <b>THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC THỰC HIỆN GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ</b>                                                         |           |
| <b>3. Thông tin về cá nhân thực hiện giao dịch</b>                                                                           |  |                                                                                                                           |           |
| a. Họ và tên:                                                                                                                |  |                                                                                                                           |           |
| b. Ngày, tháng, năm sinh:                                                                                                    |  |                                                                                                                           |           |
| c. Nghề nghiệp:                                                                                                              |  |                                                                                                                           |           |
| d. Quốc tịch:                                                                                                                |  |                                                                                                                           |           |
| e. Nơi đăng ký thường trú:                                                                                                   |  |                                                                                                                           |           |
| Quận/Huyện:                                                                                                                  |  | Tỉnh/Thành phố:                                                                                                           | Quốc gia: |
| f. Nơi ở hiện tại:                                                                                                           |  |                                                                                                                           |           |
| Quận/Huyện:                                                                                                                  |  | Tỉnh/Thành phố:                                                                                                           | Quốc gia: |

|                                                     |                                                     |           |
|-----------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------|
| g. Số CMT:                                          | Ngày cấp:                                           | Nơi cấp:  |
| h. Số hộ chiếu (còn hiệu lực):                      | Ngày cấp:                                           | Nơi cấp:  |
| i. Điện thoại cố định:                              | k. Điện thoại di động:                              |           |
| l. Số tài khoản:                                    |                                                     |           |
| m. Loại tài khoản:                                  |                                                     |           |
| n. Ngày mở tài khoản:                               |                                                     |           |
| o. Tình trạng tài khoản:                            |                                                     |           |
| <input type="checkbox"/> Hoạt động bình thường      | <input type="checkbox"/> Bất thường (nêu rõ lý do): |           |
| <b>2. Thông tin về tổ chức thực hiện giao dịch</b>  |                                                     |           |
| <b>2.1. Thông tin về tổ chức</b>                    |                                                     |           |
| a. Tên đầy đủ của tổ chức:                          |                                                     |           |
| b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):                   |                                                     |           |
| c. Tên viết tắt:                                    |                                                     |           |
| d. Địa chỉ:                                         |                                                     |           |
| Quận/Huyện:                                         | Tỉnh/Thành phố:                                     | Quốc gia: |
| e. Giấy phép thành lập số:                          | Ngày cấp:                                           | Nơi cấp:  |
| f. Đăng ký kinh doanh số:                           | Ngày cấp:                                           | Nơi cấp:  |
| g. Mã số thuế:                                      |                                                     |           |
| h. Ngành nghề kinh doanh:                           |                                                     |           |
| i. Điện thoại:                                      | k. Fax:                                             |           |
| l. Số tài khoản:                                    |                                                     |           |
| m. Loại tài khoản:                                  |                                                     |           |
| n. Ngày mở tài khoản:                               |                                                     |           |
| o. Tình trạng tài khoản:                            |                                                     |           |
| <input type="checkbox"/> Hoạt động bình thường      | <input type="checkbox"/> Bất thường (nêu rõ lý do): |           |
| <b>2.2. Thông tin về người đại diện cho tổ chức</b> |                                                     |           |
| a. Họ và tên:                                       |                                                     |           |
| b. Ngày, tháng, năm sinh:                           |                                                     |           |
| c. Nghề nghiệp:                                     |                                                     |           |
| d. Quốc tịch:                                       |                                                     |           |
| e. Nơi đăng ký thường trú:                          |                                                     |           |
| Quận/Huyện:                                         | Tỉnh/Thành phố:                                     | Quốc gia: |
| f. Nơi ở hiện tại:                                  |                                                     |           |
| Quận/Huyện:                                         | Tỉnh/Thành phố:                                     | Quốc gia: |
| g. Số CMT:                                          | Ngày cấp:                                           | Nơi cấp:  |
| h. Số hộ chiếu (còn hiệu lực):                      | Ngày cấp:                                           | Nơi cấp:  |
| i. Điện thoại cố định:                              | k. Điện thoại di động:                              |           |



|                                                                                   |                                                                          |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>3. Thông tin về giao dịch</b>                                                  |                                                                          |           |
| a. Thời gian tiến hành giao dịch: vào hồi _____, ngày _____ tháng _____ năm _____ |                                                                          |           |
| b. Số tiền giao dịch:                                                             |                                                                          |           |
| Bằng số:                                                                          | Bằng chữ:                                                                |           |
| c. Mục đích giao dịch:                                                            |                                                                          |           |
| <b>4. Thông tin bổ sung</b>                                                       |                                                                          |           |
|                                                                                   |                                                                          |           |
| <b>Phần III</b>                                                                   | <b>THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN, TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN TỚI GIAO DỊCH ĐÁNG NGỜ</b> |           |
| <b>1. Thông tin về cá nhân liên quan đến giao dịch</b>                            |                                                                          |           |
| a. Họ và tên:                                                                     |                                                                          |           |
| b. Ngày, tháng, năm sinh:                                                         |                                                                          |           |
| c. Nghề nghiệp:                                                                   |                                                                          |           |
| d. Quốc tịch:                                                                     |                                                                          |           |
| e. Nơi đăng ký thường trú:                                                        |                                                                          |           |
| Quận/Huyện:                                                                       | Tỉnh/Thành phố:                                                          | Quốc gia: |
| f. Nơi ở hiện tại:                                                                |                                                                          |           |
| Quận/Huyện/Thị trấn:                                                              | Tỉnh/Thành phố:                                                          | Quốc gia: |
| g. Số CMT:                                                                        | Ngày cấp:                                                                | Nơi cấp:  |
| h. Số hộ chiếu (còn hiệu lực):                                                    | Ngày cấp:                                                                | Nơi cấp:  |
| i. Điện thoại cố định:                                                            | k. Điện thoại di động:                                                   |           |
| l. Số tài khoản:                                                                  |                                                                          |           |
| m. Mở tại ngân hàng:                                                              |                                                                          |           |
| n. Địa chỉ ngân hàng:                                                             |                                                                          |           |
| Quận/Huyện:                                                                       | Tỉnh/Thành phố:                                                          | Quốc gia: |
| <b>2. Thông tin về tổ chức có liên quan tới giao dịch</b>                         |                                                                          |           |
| a. Tên đầy đủ của tổ chức:                                                        |                                                                          |           |
| b. Tên tiếng nước ngoài (nếu có):                                                 |                                                                          |           |
| c. Tên viết tắt:                                                                  |                                                                          |           |
| d. Địa chỉ:                                                                       |                                                                          |           |
| Quận/Huyện:                                                                       | Tỉnh/Thành phố:                                                          | Quốc gia: |
| e. Giấy phép thành lập số:                                                        | Ngày cấp:                                                                | Nơi cấp:  |
| f. Ngành nghề kinh doanh:                                                         |                                                                          |           |
| g. Đăng ký kinh doanh số:                                                         |                                                                          |           |
| h. Điện thoại liên lạc:                                                           | i. Fax:                                                                  |           |
| k. Số tài khoản:                                                                  |                                                                          |           |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                 |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------|
| l. Mở tại ngân hàng:                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                 |           |
| m. Địa chỉ ngân hàng:                                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                 |           |
| Quận/Huyện/Thị trấn:                                                                                                                                                                                                                                                             | Tỉnh/Thành phố:                                                 | Quốc gia: |
| <b>3. Thông tin bổ sung</b>                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                 |           |
| <b>Phần IV</b>                                                                                                                                                                                                                                                                   | <b>LÝ DO NGHI NGỜ GIAO DỊCH VÀ NHỮNG CÔNG VIỆC ĐÃ THỰC HIỆN</b> |           |
| 1. Mô tả giao dịch và lý do nghi ngờ:                                                                                                                                                                                                                                            |                                                                 |           |
| 2. Những công việc đã xử lý liên quan đến giao dịch đáng ngờ:                                                                                                                                                                                                                    |                                                                 |           |
| <b>Phần V</b>                                                                                                                                                                                                                                                                    | <b>TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM</b>                                        |           |
| * Hồ sơ mở tài khoản<br>* Bản sao kê giao dịch (sổ phụ) từ ngày phát sinh giao dịch có liên quan đến ngày báo cáo giao dịch đáng ngờ<br>* Tài liệu, chứng từ khác có liên quan đến giao dịch đáng ngờ (bản sao điện chuyển tiền, giấy rút tiền, nộp tiền, phiếu chuyển khoản...) |                                                                 |           |

**NGƯỜI LẬP PHIẾU**  
(Cán bộ lập báo cáo)  
Ký - ghi rõ họ tên

**TRƯỞNG PHÒNG (bộ phận)**  
(Là người chịu trách nhiệm về  
PCRT tại đơn vị)  
Ký - ghi rõ họ tên

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
(GIÁM ĐỐC)  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

Phần I:

Tất cả các trường trong phần này đều không được để trống

(2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của người lập báo cáo.

Phần II:

(1): Áp dụng cho khách hàng cá nhân (để trống nếu khách hàng là tổ chức)

(1a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của cá nhân thực hiện giao dịch

(1b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh

(1h):

- Không bắt buộc đối với cá nhân thực hiện giao dịch là người cư trú.

- Bắt buộc phải là số hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân thực hiện giao dịch là người không cư trú.

(1m): Ghi rõ loại tài khoản liên quan đến giao dịch đáng ngờ là tài khoản tiền gửi thanh toán không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm...

(1o): Nếu tài khoản ở tình trạng bất bình thường phải nêu rõ lý do tại sao, ví dụ như: hoạt động trở lại sau một thời gian dài ngừng hoạt động hoặc có sự thay đổi đột biến trong doanh số giao dịch...

(2): Áp dụng cho khách hàng là tổ chức (để trống nếu là khách hàng cá nhân)

(2.1b): Để trống nếu tổ chức không có tên nước ngoài tương ứng

(2.1m): Ghi rõ loại tài khoản liên quan đến giao dịch đáng ngờ là tài khoản tiền gửi thanh toán không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm...

(2.1o): Nếu tài khoản ở tình trạng bất bình thường phải nêu rõ lý do tại sao, ví dụ như: hoạt động trở lại sau một thời gian dài ngừng hoạt động hoặc có sự thay đổi đột biến trong doanh số giao dịch...

(2.2a): Ghi đầy đủ họ, tên đệm, tên của cá nhân đại diện cho tổ chức

(2.2b): Ghi rõ ngày, tháng, năm sinh

(2.2h):

- Không bắt buộc đối với cá nhân đại diện cho tổ chức là người cư trú.

- Bắt buộc phải là số hộ chiếu còn hiệu lực đối với cá nhân đại diện cho tổ chức là người không cư trú.

Phần III:

Không bắt buộc trong trường hợp tổ chức báo cáo không có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ (đối tác)

Trong trường hợp tổ chức báo cáo có thông tin về cá nhân, tổ chức có liên quan tới giao dịch đáng ngờ: chỉ cần điền vào các trường có thông tin, không bắt buộc phải điền đầy đủ vào tất cả các trường.

Phần IV:

(1): Mô tả cụ thể, rõ ràng và chi tiết nhất có thể về các dấu hiệu, nhân tố, tình huống bất thường dẫn tới việc tổ chức báo cáo nghi ngờ giao dịch và/hoặc tin rằng giao dịch có liên quan đến rửa tiền hay hoạt động tội phạm.

(2): Mô tả cụ thể những công việc đã thực hiện liên quan đến việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ.

**Mẫu biểu số 02****BÁO CÁO**

**Các giao dịch nộp/rút tiền mặt có tổng giá trị bằng hoặc vượt mức giá trị theo quy định tại Điều 21 Luật PCRT**

*(Đính kèm Thông tư số.... ngày ... tháng ... năm 2013 hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền)*

**Tên đối tượng báo cáo:**

Địa chỉ; số điện thoại

**Địa điểm phát sinh giao dịch:**

Địa chỉ; số điện thoại

Ngày ... tháng ... năm 20...(¹)

| STT | Loại giao dịch (²) | Tên khách hàng (³) | Địa chỉ | Giấy tờ nhận dạng (⁴) |             |               |            | Số tiền giao dịch (triệu đồng) (⁵) | Loại tiền giao dịch (⁶) | Số tài khoản (⁷) | Nội dung giao dịch (⁸) |
|-----|--------------------|--------------------|---------|-----------------------|-------------|---------------|------------|------------------------------------|-------------------------|------------------|------------------------|
|     |                    |                    |         | Số CMND               | Số hộ chiếu | Số đăng ký KD | Mã số thuế |                                    |                         |                  |                        |
| 1   |                    |                    |         |                       |             |               |            |                                    |                         |                  |                        |
| 2   |                    |                    |         |                       |             |               |            |                                    |                         |                  |                        |
| 3   |                    |                    |         |                       |             |               |            |                                    |                         |                  |                        |
| ... |                    |                    |         |                       |             |               |            |                                    |                         |                  |                        |
| ... |                    |                    |         |                       |             |               |            |                                    |                         |                  |                        |

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

Ký và ghi rõ họ tên

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (⁹)**

Ký và ghi rõ họ tên

<sup>1</sup> Ngày, tháng, năm phát sinh giao dịch;

<sup>2</sup> Nộp hoặc rút tiền mặt. Trong trường hợp khách hàng nộp tiền đồng/ngoại tệ để rút ngoại tệ/tiền đồng thì chỉ báo cáo giao dịch nộp;

<sup>3</sup> Họ và tên (khách hàng là cá nhân); tên đầy đủ và tên viết tắt (khách hàng là tổ chức);

<sup>4</sup> Ghi đầy đủ, chi tiết từng cột; nếu không có thông tin, ghi “không”;

<sup>5</sup> Tổng số tiền nộp hoặc rút trong một ngày; nếu là ngoại tệ thì quy đổi về đồng Việt Nam theo tỷ giá vào thời điểm phát sinh giao dịch;

<sup>6</sup> Ký hiệu loại tiền khách hàng nộp (3 ký tự theo chuẩn ISO-4217);

<sup>7</sup> Số tài khoản khách hàng nộp hoặc rút tiền (nếu có);

<sup>8</sup> Lý do, mục đích thực hiện giao dịch;

<sup>9</sup> Tổng giám đốc/Giám đốc hoặc người được ủy quyền

## **PHẦN VĂN BẢN KHÁC**

### **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 123/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2014*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập  
thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

### **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 36/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 55/2012/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2012 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 76/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Các đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

1. Viện Phim Việt Nam.
2. Viện Bảo tồn di tích.
3. Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam.
4. Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Học viện Âm nhạc Huế.
6. Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.
7. Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam.
9. Trường Đại học Mỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội.
11. Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Thành phố Hồ Chí Minh.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng.
15. Bảo tàng Hồ Chí Minh.
16. Bảo tàng Lịch sử Quốc gia.
17. Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam.
18. Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam.
19. Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch.
20. Thư viện Quốc gia Việt Nam.
21. Trung tâm Hỗ trợ sáng tác văn học nghệ thuật.
22. Trung tâm Triển lãm văn hóa nghệ thuật Việt Nam.
23. Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Lào.
24. Trung tâm Văn hóa Việt Nam tại Pháp.
25. Nhà hát Ca, Múa, Nhạc Việt Nam.
26. Nhà hát Cải lương Việt Nam.
27. Nhà hát Chèo Việt Nam.
28. Nhà hát Tuồng Việt Nam.
29. Nhà hát Múa rối Việt Nam.
30. Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam.
31. Nhà hát Kịch Việt Nam.
32. Nhà hát Nhạc, Vũ, Kịch Việt Nam.
33. Nhà hát Nghệ thuật đương đại Việt Nam.
34. Nhà hát Ca, Múa, Nhạc dân gian Việt Bắc.
35. Nhà hát Tuổi trẻ.
36. Liên đoàn Xiếc Việt Nam.
37. Ban Quản lý Nhà hát Lớn Hà Nội.
38. Trường quay Cổ Loa.
39. Trung tâm Kỹ thuật Điện ảnh.
40. Trung tâm Chiếu phim Quốc gia.
41. Trung tâm Điện ảnh Thể thao và Du lịch Việt Nam.

**Điều 2. Các đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo**

1. Trường Cao đẳng Múa Việt Nam.
2. Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Tây Bắc.



3. Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Việt Bắc.
4. Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội.
5. Trường Cao đẳng Mỹ thuật trang trí Đồng Nai.

**Điều 3. Các đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội**

1. Trường Cao đẳng nghề Du lịch và Dịch vụ Hải Phòng.
2. Trường Cao đẳng nghề Du lịch Huế.
3. Trường Cao đẳng nghề Du lịch Nha Trang.
4. Trường Cao đẳng nghề Du lịch Đà Nẵng.
5. Trường Cao đẳng nghề Du lịch Vũng Tàu.
6. Trường Cao đẳng nghề Du lịch Đà Lạt.

**Điều 4. Các đơn vị thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

1. Trường Trung cấp Múa Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Trường Trung cấp Nghệ thuật Xiếc và Tạp kỹ Việt Nam.
3. Trường Trung cấp Du lịch Cần Thơ.
4. Khu Liên hợp thể thao quốc gia.

**Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về các đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**

**BỘ NGOẠI GIAO****BỘ NGOẠI GIAO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2014/TB-LPQT

*Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2014***THÔNG BÁO  
Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực**

Thực hiện quy định tại Khoản 3, Điều 47 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Thỏa thuận về tạo thuận lợi cho nhân viên, phương tiện giao thông, thiết bị thi công, vật liệu xây dựng và nhiên liệu phục vụ cho việc thi công xây dựng cầu Long Bình - Chrey Thom giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Cam-pu-chia, ký tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 27 tháng 12 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 12 năm 2013.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Thỏa thuận theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

**TL. BỘ TRƯỞNG  
KT. VỤ TRƯỞNG  
VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ  
PHÓ VỤ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Ngự**

**THỎA THUẬN**  
**GIỮA**  
**CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**VÀ**  
**CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA PHÁP**  
**VỀ VIỆC**  
**PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM PHÁP – VIỆT ĐÀO TẠO VỀ QUẢN LÝ**  
**GIAI ĐOẠN 2013 - 2018**



Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Pháp, sau đây gọi tắt là “**hai Bên**”;

- Căn cứ Hiệp định Hợp tác Văn hóa, Khoa học và Kỹ thuật được ký kết giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Pháp ngày 27 tháng 5 năm 1981;

- Tiếp theo Thỏa thuận về việc thành lập Trung tâm Pháp-Việt Đào tạo về Quản lý (CFVG) được ký ngày 11 tháng 4 năm 1992; và Thỏa thuận ngày 25 tháng 11 năm 2008 về việc phát triển Trung tâm Pháp-Việt Đào tạo về Quản lý giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Pháp;

- Khẳng định mong muốn tiếp tục và tăng cường nỗ lực của mỗi Bên trong việc thúc đẩy CFVG đa dạng hoá các loại hình đào tạo về quản lý trong bối cảnh hội nhập kinh tế của Việt Nam,

đã thỏa thuận các điều khoản sau:

#### **Điều 1. Điều khoản chung**

1. Hai Bên quyết định tiếp tục phát triển Trung tâm Pháp - Việt đào tạo về Quản lý (CFVG) được thành lập năm 1992 theo Thỏa thuận giữa hai Chính phủ, để CFVG đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng của một cơ sở đào tạo quốc tế về quản lý.

2. Về mặt hành chính, CFVG có hai cơ sở: CFVG Hà Nội (CFVG-HN) là một đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (ĐH KTQD), CFVG Tp Hồ Chí Minh (CFVG-TpHCM) là một đơn vị thuộc Trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh (ĐH KT TpHCM). Cả hai cơ sở có cơ chế hoạt động đặc thù được quy định tại các Điều 5, 6 và 7 của Thỏa thuận này, và thống nhất về mặt đào tạo và nghiên cứu khoa học.

3. Về mặt sư phạm và khoa học, CFVG được sự hỗ trợ của hai trường đại học chủ nhà và của Nhóm các trường đối tác khoa học Pháp, hoạt động của Nhóm này do Phòng Thương mại và Công nghiệp (CCI) Vùng Paris Ile-de-France, với tư cách là cơ quan thực hiện đề án CFVG của Bên Pháp, điều phối.

4. CFVG có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và không vì mục đích lợi nhuận.

5. Hai Bên ủng hộ việc soạn thảo trong thời hạn từ 02 đến 03 năm một đề án phát triển bền vững CFVG trên cơ sở các quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

#### **Điều 2: Mục tiêu**

Mục tiêu của CFVG là nhằm đóng góp vào sự phát triển kinh tế của Việt Nam thông qua hoạt động sáng tạo và phổ biến kiến thức về quản lý, đặc biệt là các chương trình đào tạo và nghiên cứu quốc tế chất lượng cao.

**Điều 3. Phạm vi hoạt động**

1. Đào tạo trình độ Thạc sỹ và Tiến sỹ về quản lý.
2. Đào tạo bồi dưỡng, nâng cao trình độ về quản lý.
3. Triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng.
4. CFVG chú trọng phát triển quan hệ về mặt khoa học với hai trường đại học chủ nhà thông qua ba mảng hoạt động được nêu ở các khoản 1, 2 và 3 của Điều này.

**Điều 4. Các chương trình đào tạo cấp bằng**

1. Hai Bên nhất trí tiếp tục phát triển các chương trình đào tạo cấp bằng đang được triển khai tại CFVG, bao gồm:

- a) Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh (MBA – Master of Business Administration);
- b) Thạc sỹ Kinh tế Ngân hàng và Tài chính (MEBF - Master in Economics of Banking and Finance);
- c) Thạc sỹ Marketing Bán hàng và Dịch vụ (MMSS – Master in Marketing Sales and Services);
- d) Tiến sỹ về Quản lý.

2. Hai Bên khuyến khích CFVG mở rộng các chương trình đào tạo trình độ Thạc sỹ và Tiến sỹ trên cơ sở xem xét năng lực đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng của CFVG cũng như kết quả khảo sát nhu cầu đào tạo của Việt Nam.

Thể thức tiến hành các chương trình này do Ban Giám đốc CFVG, Ban Giám hiệu các trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh và các trường đối tác liên quan trong Nhóm các trường hỗ trợ khoa học cùng xác định. Mỗi chương trình đều phải được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam cấp phép.

3. Hai Bên nhất trí việc CFVG mở rộng quan hệ hợp tác với các trường đối tác Việt Nam và nước ngoài để triển khai các chương trình trao đổi giảng viên, học viên và tổ chức các chương trình đào tạo phối hợp tại Việt Nam và nước ngoài. Học viên tốt nghiệp các chương trình này ở trình độ Thạc sỹ (Master) được xét cấp hai văn bằng nếu thoả mãn các điều kiện cấp bằng theo quy định của pháp luật hiện hành của Việt Nam và của Pháp.

**Điều 5. Ủy ban Định hướng (UBĐH)**

1. UBĐH là cấp định hướng chiến lược của CFVG. UBĐH do hai đại diện của hai Chính phủ làm Đồng Chủ tịch và bao gồm:

- a) 07 đại diện của Bên Pháp: Đại sứ Pháp tại Việt Nam, Đồng Chủ tịch UBĐH; Tham tán Hợp tác và Hoạt động Văn hoá của Đại sứ quán Pháp; Tham tán Kinh tế của Đại sứ quán Pháp; Tùy viên Hợp tác Khoa học và Đại học Đại sứ quán Pháp; Phó Chủ tịch Đào tạo của Phòng Thương mại và Công nghiệp (CCI) Vùng Paris Ile-de-France; Phó Tổng Giám đốc phụ trách Giáo dục, Đào tạo và Nghiên





cứu của CCI Vùng Paris Ile-de-France; và 01 đại diện Pháp của Hội đồng Tư vấn Doanh nghiệp CFVG.

b) 07 đại diện của Bên Việt Nam: Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (BGD-ĐT), Đồng Chủ tịch UBĐH; 04 đại diện lãnh đạo các đơn vị có liên quan của BGD-ĐT; Hiệu trưởng Trường ĐH KTQD; Hiệu trưởng Trường ĐH KT TpHCM.

c) Các đại diện có thể uỷ nhiệm bằng văn bản người thay thế khi vắng mặt.

2. UBĐH có các chức năng và nhiệm vụ sau:

a) Xác định những định hướng lớn của CFVG;

b) Phê duyệt kế hoạch phát triển chiến lược 05 năm, ngân sách và kế hoạch sử dụng ngân sách hàng năm trên cơ sở báo cáo thực hiện ngân sách của năm trước;

c) Cử các Giám đốc cho nhiệm kỳ hai năm có thể gia hạn. Các Giám đốc người Pháp được cử trên cơ sở đề nghị của Bên Pháp. Các Giám đốc người Việt Nam được cử trên cơ sở đề nghị của Bên Việt Nam. Các Giám đốc có thể được thay thế giữa nhiệm kỳ theo quyết định chung của hai Đồng Chủ tịch UBĐH.

3. UBĐH họp mỗi năm một lần, ở Pháp hoặc ở Việt Nam và do hai Đồng Chủ tịch cùng điều hành. Các giám đốc CFVG tham dự họp nhưng không có quyền biểu quyết.

Giữa các kỳ họp, trong trường hợp cần thiết, hai Đồng Chủ tịch triệu tập cuộc họp UBĐH với một cơ cấu hạn chế nhưng không ít hơn 50% tổng số đại diện của mỗi Bên và đảm bảo nguyên tắc số đại biểu ngang bằng của mỗi Bên.

Trong trường hợp phải giải quyết kịp thời một số vấn đề cấp bách liên quan đến các hoạt động của CFVG nhưng không có điều kiện họp UBĐH rút gọn, hai Đồng Chủ tịch có quyền ra quyết định trên cơ sở xem xét đề nghị của Ban Giám đốc CFVG.

## **Điều 6. Ban Giám đốc**

1. Cơ cấu Ban Giám đốc

a) CFVG hoạt động theo cơ chế đồng giám đốc.

b) Ban Giám đốc CFVG gồm có 04 người: một Đồng Giám đốc người Pháp và một Đồng Giám đốc người Việt Nam của CFVG Hà Nội; một Đồng Giám đốc người Pháp và một Đồng Giám đốc người Việt Nam của CFVG Tp Hồ Chí Minh.

2. Tiêu chí tuyển chọn đồng giám đốc

Các Đồng Giám đốc phải có trình độ Tiến sỹ và kinh nghiệm trong quản lý, có trách nhiệm và quyền hạn ngang nhau trong việc triển khai các hoạt động của CFVG trong khuôn khổ Thỏa thuận này.

3. Chức năng và nhiệm vụ của Ban Giám đốc

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định của Ủy ban Định hướng và triển khai các chương trình đào tạo và nghiên cứu và các hoạt động khác của CFVG;

b) Chuẩn bị kế hoạch chiến lược phát triển 5 năm, báo cáo hoạt động thường niên, các báo cáo thực hiện ngân sách và dự toán ngân sách trình Ủy ban Định hướng;

c) Chỉ định các Chủ nhiệm chương trình đào tạo và nghiên cứu.

#### 4. Phương thức hoạt động của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc CFVG ra các quyết định dựa trên nguyên tắc thỏa thuận chung (không biểu quyết).

### **Điều 7. Các tổ chức hỗ trợ CFVG**

1. Nhóm hỗ trợ khoa học tập hợp các trường đối tác khoa học Pháp của CFVG. Nhóm này họp mỗi năm 01 lần, xét duyệt các đề án mở chương trình đào tạo mới và sửa đổi các chương trình hiện có.

2. Hội đồng Tư vấn Doanh nghiệp (HĐTVĐN) tập hợp các doanh nghiệp Việt Nam và nước ngoài có quan tâm đến các hoạt động của CFVG, với thành phần ngang nhau về số lượng. HĐTVĐN có một bộ phận ở Hà Nội và một bộ phận ở Tp Hồ Chí Minh. HĐTVĐN hỗ trợ CFVG trong việc xác định những lĩnh vực có triển vọng và tăng cường sự gắn kết giữa các chương trình đào tạo của CFVG và nhu cầu của các doanh nghiệp. HĐTVĐN đề xuất các ý kiến tư vấn đối với Ban Giám đốc và Ủy ban Định hướng CFVG.

### **Điều 8. Cơ sở vật chất và tài chính**

1. Nguồn kinh phí hoạt động của CFVG bao gồm:

- a) Khoản thu học phí và các khoản thu hợp pháp khác của CFVG;
- b) Khoản hỗ trợ của Chính phủ Pháp như nêu tại khoản 5 của Điều này;
- c) Khoản hỗ trợ của các tổ chức quốc tế;
- d) Đóng góp của các doanh nghiệp và cá nhân;
- e) Các khoản tài chính khác.

2. Các khoản chi của CFVG bao gồm:

a) Các khoản chi thường xuyên của CFVG cho các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học như đã nêu tại các khoản ở Điều 3, bao gồm cả các chi phí quản lý cho hai trường đại học chủ nhà Việt Nam và các trường đối tác của CFVG;

b) Các chi phí đầu tư để phát triển CFVG: xây dựng và cải tạo cơ sở vật chất, mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị;

c) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.



3. CFVG được mở các tài khoản ngân hàng bằng ngoại tệ, bằng tiền đồng Việt Nam và thực hiện chế độ kiểm toán độc lập hàng năm. Báo cáo kiểm toán phải được gửi cho Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam và Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam.

4. Mức học phí của từng chương trình và chi phí quản lý trả cho các trường đại học do Ban Giám đốc CFVG xác định và trình UBNDH phê duyệt.

5. Bên Pháp và Phòng Thương mại và Công nghiệp (CCI) Vùng Paris Ile-de-France tiếp tục hỗ trợ phát triển các hoạt động cũng như tính chất quốc tế các chương trình của CFVG. Trong thời gian hiệu lực của Thỏa thuận này, Bên Pháp cung cấp và đảm nhận trả lương một chuyên gia kỹ thuật quốc tế đảm trách cương vị Đồng Giám đốc Pháp ở Hà Nội, và Bên Pháp và Phòng Thương mại và Công nghiệp (CCI) Vùng Paris Ile-de-France đảm nhận trả lương cho Đồng Giám đốc Pháp ở Tp Hồ Chí Minh. Bên Pháp tạo điều kiện thuận lợi cho học viên và giảng viên người Việt Nam đi công tác.

6. Bên Việt Nam cam kết cung cấp các phòng học và phòng làm việc đáp ứng nhu cầu của các chương trình đào tạo của CFVG.

#### **Điều 9. Hỗ trợ nhập cảnh, lưu trú và nhập khẩu**

1. Bên Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi cho việc nhập cảnh và lưu trú của giảng viên, nhân viên, cộng tác viên và học viên người Pháp và gia đình họ trong thời gian công tác, học tập hoặc thực tập tại CFVG, theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Ngược lại, Bên Pháp tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, nhân viên, cộng tác viên, học viên người Việt Nam của CFVG sang Pháp công tác, học tập hoặc thực tập, theo quy định của pháp luật Pháp.

3. Bên Việt Nam cho phép nhập khẩu miễn thuế những mặt hàng phục vụ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của CFVG và cho sinh hoạt cá nhân của các giảng viên, nhân viên người Pháp làm việc tại CFVG (trừ các loại thuế ô-tô), theo quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **Điều 10. Điều khoản cuối cùng**

1. Thỏa thuận này thay cho Thỏa thuận về việc phát triển Trung tâm Pháp-Việt đào tạo về quản lý (CFVG) ký ngày 25 tháng 11 năm 2008 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Pháp. Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký, có giá trị trong thời hạn 05 (năm) năm.

2. Mỗi Bên có thể từ bỏ Thỏa thuận này bằng việc gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia với thời hạn báo trước 06 (sáu) tháng.

3. Các Bên có thể sửa đổi Thỏa thuận này khi đạt được sự đồng thuận.

4. Trong trường hợp Thỏa thuận này bị bãi bỏ hay hết thời gian hiệu lực mà không được gia hạn hay ký lại, hai Bên cho phép CFVG tiếp tục thực hiện các khoá học cho đến khi kết thúc. Việc quyết định xử lý tài sản của CFVG sẽ là nội dung của một văn bản ký kết đặc biệt giữa hai Bên.

5. Mọi bất đồng về giải thích và thực hiện Thỏa thuận này cần được giải quyết thông qua con đường thương lượng.

Làm tại Paris, ngày 03 tháng 12 năm 2013, thành hai (02) bản, mỗi bản bằng tiếng Việt và tiếng Pháp, cả hai văn bản có giá trị như nhau.

**Thay mặt Chính phủ  
nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa  
Việt Nam**



**TRẦN QUANG QUÝ**  
Thứ trưởng  
Bộ Giáo dục và Đào tạo

**Thay mặt Chính phủ  
nước Cộng hoà Pháp**



**ANNE GRILLO**  
Vụ trưởng  
Vụ Hợp tác Văn hóa, Đại học và Nghiên cứu  
Bộ Ngoại giao

**BỘ NGOẠI GIAO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2014/TB-LPQT

*Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2014***THÔNG BÁO**  
**Về việc điều ước quốc tế có hiệu lực**

Thực hiện quy định tại Khoản 3, Điều 47 của Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế năm 2005, Bộ Ngoại giao trân trọng thông báo:

Thỏa thuận về phát triển trung tâm Pháp - Việt đào tạo về quản lý giai đoạn 2013 - 2018 giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Pháp, ký tại Pari ngày 03 tháng 12 năm 2013, có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 12 năm 2013.

Bộ Ngoại giao trân trọng gửi bản sao Thỏa thuận theo quy định tại Điều 68 của Luật nêu trên./.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**KT. VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ LUẬT PHÁP VÀ ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**  
**PHÓ VỤ TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Ngự**

**ARRANGEMENT  
BETWEEN  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM  
AND  
THE ROYAL GOVERNMENT OF CAMBODIA  
ON  
FACILITATION OF CROSS-BORDER OF PERSONNEL, MACHINERY,  
VEHICLES, EQUIPMENT, MATERIAL AND FUELS SERVING FOR  
CONSTRUCTION OF LONG BINH – CHREY THOM BRIDGE**

To implement the Credit Agreement signed between the Government of the Socialist Republic of Viet Nam and the Royal Government of Cambodia on 26 December 2013;

Desiring to facilitate the construction of Long Binh - Chrey Thom bridge connecting between An Giang province (Viet Nam) and Kandal province (Cambodia) (hereinafter referred to as “Long Binh - Chrey Thom bridge”), the Government of the Socialist Republic of Viet Nam representing by the Ministry of Transport and the Royal Government of Cambodia representing by the Ministry of Public Works and Transport (hereinafter referred to as “two Parties”),

**Have agreed as follows:**

**ARTICLE 1**

1. The construction of the Long Binh - Chrey Thom bridge shall not change water flow direction and national border.

2. Simplification procedures and facilitation measures stipulated under this Arrangement shall only be applied for personnel who are involved in the construction of Long Binh - Chrey Thom bridge (hereinafter referred to as “Personnel”), machinery, vehicles, equipment, material and fuels for the construction of Long Binh - Chrey Thom bridge.

**ARTICLE 2**

1. The two Parties shall establish a construction of Long Binh - Chrey Thom bridge area, including the river surface and ground excluding construction yard required for the construction (hereinafter referred to as “The project area”). The Personnel who executed duties involving in the construction of Long Binh - Chrey Thom bridge shall be move or use machinery, vehicles, equipment to carry materials and work in the project area.

2. The two Parties shall arrange necessary signs around the project area.

3. The project area is controlled and managed by respective border competent authorities.



**ARTICLE 3**

1. The Personnel who holds pass issued by respective competent authorities shall be crossed the border pair of Long Binh (Viet Nam) and Chrey Thom (Cambodia) shall be exempted visas to construct the Long Binh - Chrey Thom bridge.

2. The Personnel of one Party is required to comply with national laws and regulation of the other Party during the time he or she works and stays within the territory of that Party, and simultaneously work with competent authorities of each Party for management and safety process.

**ARTICLE 4**

1. The two Parties agreed to allow temporary import and temporary admission and exemption from any export-import taxes and levies for machinery, vehicles, equipment, materials and fuels serving for the construction of Long Binh - Chrey Thom bridge.

2. To facilitate for the monitoring and management, the two Parties shall provide lists of personnel who being granted pass, master lists of machinery, vehicles, equipment and materials used for the construction of Long Binh - Chrey Thom bridge. If one Party has a change in personnel, machinery, vehicles and equipment, it needs to be notified the other Party to cooperate in monitoring and management.

3. Machinery, vehicles and equipment which shall be used for the construction of Long Binh - Chrey Thom bridge shall bear the specific distinguishing sign. This specific distinguishing sign shall be granted by respective competent authorities and be informed each other to monitor and manage.

4. Pass shall be granted by respective competent authorities (Public security authority in Viet Nam side, the Ministry of Public Works and Transport in Cambodia side). The specific distinguishing sign for machinery, vehicles and equipment shall be granted by Customs authority for Viet Nam Side and the Ministry of Public Works and Transport in Cambodia.

5. The two Parties – in their authority, shall ensure the safety of personnel, machinery, vehicles and equipment serving for the construction of Long Binh - Chrey Thom bridge.

6. After the completion of the construction of Long Binh - Chrey Thom bridge, the project area shall be invalidated. All machinery, vehicles, equipment, remaining or unused materials and fuels of one Party shall be re-export without being used or sold in any forms in other Party.

**ARTICLE 5**

The two Parties agreed to establish the working group for coordination, monitoring, management and treatment of problems arose during the construction of Long Binh - Chrey Thom bridge. Within 30 days by the signing date, the two Parties shall inform each other the list of the working group.

**ARTICLE 6**

1. If any disputes in interpretation of any problems arose during the implementation of this Arrangement shall be solved amicably by both Parties through negotiation.

2. When necessary, the two Parties may amend this Arrangement. The amendment, supplement is made by writing.

**ARTICLE 7**

This Arrangement shall come into force as of the signing date and end its validity after 180 days of the Long Binh - Chrey Thom bridge in operation.

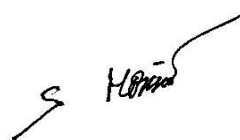
Done in Ho Chi Minh city on 27 December 2013 in two originals in English language.

**FOR THE GOVERNMENT OF THE  
SOCIALIST REPUBLIC  
OF VIET NAM**

**FOR THE ROYAL GOVERNMENT OF  
CAMBODIA**



**H.E. MR. NGUYEN VAN THE  
DEPUTY MINISTER  
MINISTRY OF TRANSPORT**



**H.E. MR. SOKHOM PHEAKAVANMONY  
SECRETARY OF STATE  
MINISTRY OF PUBLIC WORKS AND  
TRANSPORT**



---

---

### **VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN**

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080.44946 – 080.44417

Fax: 080.44517

Email: [congbao@chinhphu.vn](mailto:congbao@chinhphu.vn)

Website: <http://congbao.chinhphu.vn>

In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng